

Số: 2283/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 09 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500  
Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;*

*Căn cứ Quyết định số 2142/QĐ-TTg ngày 20/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng;*

*Căn cứ Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết KCN Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;*

*Căn cứ Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc thành lập Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;*

*Căn cứ văn bản số 530/UBND-VP5 ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh Nam Định về chủ trương lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết KCN Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;*

*Xét văn bản số 91/SXD-QH ngày 02/12/2022 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KCN Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định;*

*Theo đề nghị của Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh tại Tờ trình số 165/2022/TTr-Cty ngày 05/12/2022, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Nam Định tại Tờ trình số 1308/TTr-BQLCKN ngày 08/12/2022.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KCN Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, với nội dung sau:

### **I. DANH MỤC CÁC BẢN VẼ**

1. Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất (QH-01).
2. Bản đồ quy hoạch hiện trạng sử dụng đất và hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QH-02).
3. Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất (QH-03A).
4. Bản đồ quy hoạch chia lô (QH-03B).
5. Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan (QH-04).
6. Bản đồ quy hoạch giao thông (QH-05A).
7. Bản đồ quy hoạch chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật (QH-05A).
8. Bản đồ quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật và thoát nước mưa (QH-06).
9. Bản đồ quy hoạch cấp nước sinh hoạt (QH-07A).
10. Bản đồ quy hoạch cấp nước sản xuất (QH-07B).
11. Bản đồ quy hoạch cấp điện (QH-08).
12. Bản đồ quy hoạch cấp điện chiếu sáng (QH-09).
13. Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường (QH-10).
14. Bản đồ quy hoạch tổng hợp đường dây đường ống kỹ thuật (QH-11).
15. Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược (QH-12).
16. Kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan (QH-13).

### **II. PHẠM VI RANH GIỚI, MỤC TIÊU, QUY MÔ VÀ TÍNH CHẤT**

#### 1. Phạm vi ranh giới

Khu vực quy hoạch thuộc địa phận xã Kim Thái và xã Liên Minh, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch được xác định như sau:

- Phía Bắc: Tiếp giáp kênh C9 và cánh đồng lúa của xã Kim Thái;
- Phía Tây: Tiếp giáp đường dân sinh;
- Phía Đông: Tiếp giáp KCN Bảo Minh hiện hữu;
- Phía Nam: Tiếp giáp khu vực dân cư bám theo Quốc lộ 10.

#### 2. Mục tiêu

Rà soát và làm rõ lại ranh giới giáp ranh giữa Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu và Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng, từ đó xác định các vấn đề còn tồn tại ở mốc ranh giới hiện trạng Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu.

Chuẩn hóa lại ranh giới giải phóng mặt bằng giữa Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu và KCN Bảo Minh mở rộng một cách chi tiết hơn.

Tuân thủ các tiêu chí theo QCVN 01:2021/BXD ban hành theo Thông tư số 01:2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Xác định hiệu quả sử dụng đất theo nhu cầu thực tế, phân tích lại hiệu quả sử dụng đất của từng vị trí các ô đất để đạt hiệu quả cao nhất.

Kết nối, tận dụng hạ tầng đồng bộ sẵn có của Khu công nghiệp Bảo Minh, đồng bộ về kết cấu hạ tầng kỹ thuật theo đúng khả năng và hiện trạng đang có.

### 3. Quy mô

Tổng diện tích Khu Công nghiệp Bảo Minh sau khi mở rộng là 193,203ha, trong đó diện tích Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu là 148,521ha; Diện tích lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng là 44,682ha.

Dự kiến lao động trong Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng sẽ khoảng 3.900-4.100 người.

### 4. Tính chất

Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi khu chức năng, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp.

## III. CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN VỀ ĐẤT ĐAI, HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 1. Chỉ tiêu về đất đai

- Các khu Hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 1\%$ ;
- Giao thông:  $\geq 10\%$ ;
- Cây xanh:  $\geq 10\%$ .
- Mật độ xây dựng thuần tối đa đối với lô đất xây dựng công nghiệp, kho tàng:  $\leq 70\%$ ;
- Chiều cao tối đa 5 tầng.

### 2. Hạ tầng kỹ thuật

- Độ dốc nền trong các nhà máy XN:  $0,03\% \leq i \leq 2,0\%$ ;
- Chỉ tiêu cấp nước:  $20 \div 50\text{m}^3/\text{ha-ngđ}$ ;
- Chỉ tiêu cấp điện:  $250\text{ Kw/ha}$ ;
- Chỉ tiêu thoát nước bằng  $80\%$  cấp nước;
- Chỉ tiêu rác thải:  $0,03\text{kg/m}^2/\text{ngđ}$ .

## IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

## 1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch

### 1.1. Điều chỉnh ranh giới Khu công nghiệp

- Điều chỉnh ranh giới Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng từ mốc N11 đến N12; Từ mốc N15 đến N17.

- Điều chỉnh ranh giới nghĩa trang NT2 (nghĩa trang Đồng Đức) và ranh giới nghĩa trang NT1 (nghĩa trang Quán Không).

- Điều chỉnh ranh giới từ mốc N7 đến N8 dịch chuyển về phía QL10.

### 1.2. Điều chỉnh Quy hoạch giao thông

- Điều chỉnh đường D-7 dịch chuyển một phần đoạn từ nghĩa trang Đồng Đức (NT2) đến đường N2 về phía Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu khoảng hơn 6m.

- Điều chỉnh mở rộng vỉa hè đoạn lô đất HTKT1 từ 2m thành 4m.

- Điều chỉnh đường D-8 dịch chuyển khoảng 4m về phía các lô đất CN-1A, CN-3A, CN-4A. Chuyển đất công nghiệp tại lô CN-1A, CN-3A, CN-4A thành đất giao thông.

- Điều chỉnh rút ngắn chiều dài đường N-2 từ 407,5m xuống còn 405,3m, thu hẹp vỉa hè phía lô đất DVCN-1A.

- Điều chỉnh rút ngắn chiều dài đường N-3C từ 776,4m xuống còn 770,3m.

- Điều chỉnh mở rộng mặt đường N-6 từ 7,5m lên thành 9m, dịch chuyển khoảng 5,2m về phía QL10.

- Điều chỉnh mở rộng mặt đường N-8 từ 5,5m lên 7,5m về phía QL10 1m và về phía lô đất DVCN-1A 1m.

- Điều chỉnh đất để làm đường vào nghĩa trang Đồng Đức (đoạn từ đường N-3C đến nghĩa trang Đồng Đức) thành đất cây xanh.

### 1.3. Điều chỉnh Quy hoạch chia lô

Điều chỉnh diện tích các lô đất công nghiệp: CN-1A; CN-2A; CN-3A; CN-4A.

Điều chỉnh diện tích lô đất hạ tầng kỹ thuật HTKT1 và lô đất dịch vụ DVCN-1A.

### 1.4. Điều chỉnh Quy hoạch điện chiếu sáng

Điều chỉnh bổ sung hệ thống các cột đèn chiếu sáng trên vỉa hè phía lô đất CN-1A, CN-3A.

### 1.5. Điều chỉnh Quy hoạch thoát nước mưa

- Điều chỉnh bổ sung hệ thống công thoát nước mưa dọc đường N-6 (phía đất cây xanh).

- Điều chỉnh dịch chuyển hệ thống công thoát nước mưa đường N-8 về phía lô đất DVCN-1A khoảng 1m.

- Điều chỉnh dịch chuyển hệ thống công thoát nước mưa đường D-8 về phía các lô đất CN-1A, CN-3A, CN-4A khoảng 4m.

### 1.6. Các nội dung điều chỉnh khác

Điều chỉnh chuẩn hoá lại các mốc ranh giới Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng để phù hợp với thực tế.

Điều chỉnh các Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật kèm theo dựa trên bản đồ Quy hoạch sử dụng đất để đồng bộ hóa về hồ sơ, đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD.

### 2. Quy hoạch sử dụng đất

Khu vực xây dựng công trình nhà máy xí nghiệp và kho bãi được bố trí hai bên tuyến đường chính, phân thành các chức năng rõ ràng.

Khu dịch vụ nằm sát ranh giới phía QL10 và tiếp giáp 2 mặt đường, tạo thành dãy liên hoàn với khu dịch vụ bên ngoài.

Hệ thống cây xanh cách ly và cây xanh cảnh quan bao quanh khu công nghiệp với diện tích lớn, nhằm tránh ảnh hưởng tối đa khả năng gây ô nhiễm của KCN đến các khu vực lân cận, khu dân cư hiện có.

Tại vị trí tiếp giáp với 2 khu nghĩa trang hiện có tạo hệ thống cây xanh cảnh quan vừa đảm bảo khoảng cách, vừa tạo được không gian ngăn cách với 2 khu vực này.

Các lô đất công nghiệp trong KCN Bảo Minh mở rộng có mật độ xây dựng 70%, tầng cao tối đa là 5 tầng và hệ số sử dụng đất 3,5 lần.

Đất hành chính dịch vụ có mật độ xây dựng 60%, tầng cao tối đa là 5 tầng và hệ số sử dụng đất 3 lần.

**Bảng quy hoạch sử dụng đất sau khi điều chỉnh quy hoạch**

STT	Loại đất	Theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1612/QĐ-UBND ngày 30/7/2021		Nay điều chỉnh		Tăng (+) Giảm (-)
		Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Đất công nghiệp	302.248	67,64	306.147	68,52	+ 3.899
2	Đất hành chính, dịch vụ	34.097	7,63	30.198	6,76	- 3.899
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	7.000	1,57	7.000	1,57	0,00
4	Đất cây xanh	45.412	10,16	45.172	10,10	- 240
5	Đất giao thông	58.065	13,00	58.305	13,05	+ 240
<b>Tổng cộng</b>		<b>446.822</b>	<b>100,0</b>	<b>446.822</b>	<b>100,00</b>	<b>0,00</b>

### 3. Quy hoạch tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

### 3.1. Công trình nhà máy xí nghiệp

Hình thành không gian khu công nghiệp hiện đại đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư và phát huy giá trị Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng trong các Khu Công nghiệp của tỉnh Nam Định.

Bố trí không gian chức năng từng loại hình sản xuất theo trục không gian chính đồng thời kết nối các chức năng với nhau bằng hệ thống đường nội bộ từng khu hiện tại qua khu mở rộng theo dạng vòng, đảm bảo tính liên thông của hệ thống chức năng và đảm bảo tính liên thông và kết hợp chặt chẽ giữa 2 khu trước mở rộng và sau khi mở rộng.

3.2. Đường giao thông: Hình thành trục giao thông chính theo hướng Bắc - Nam thành trục xương sống của khu công nghiệp, kết nối trực tiếp với QL10 và Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu.

3.3. Cây xanh: Hình thành không gian Khu công nghiệp nhiều cây xanh, tạo cảnh quan thoáng mát, trong lành cho người lao động đảm bảo môi trường bền vững.

## 4. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật

### 4.1. Quy hoạch giao thông

Tổ chức mạng lưới giao thông: Đường trục chính là tuyến giao thông nối Khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng với QL.10, tiếp nhận dòng giao thông từ các đường nội bộ và các công trình chức năng. Đường trục chính là đường D-1A và đường N-2 được Quy hoạch là đường cấp III đồng bằng 2 làn xe.

Tuyến giao thông đối ngoại có mặt cắt A-A (QL10), theo mặt cắt hiện trạng và đảm bảo khoảng lùi theo quy định, hành lang an toàn cho phép không nhỏ hơn 15m so với mép đường QL.10, trong đó lòng đường trung bình theo hiện trạng đoạn qua khu Quy hoạch là 14,5m; hành lang khoảng lùi lớn hơn hoặc bằng 15m.

Các mặt cắt đường KCN Bảo Minh mở rộng:

- Tuyến Đường D-1A (mặt cắt 1-1): Lòng đường  $6,875\text{m} \times 2 = 13,75\text{m}$ ; Hè đường  $4 \times 2 = 8\text{m}$ ; Chi giới đường đỏ  $21,75\text{m}$ .

- Tuyến đường N-2 (mặt cắt 2-2): Chiều rộng mặt đường  $11,25\text{m}$ ; Hè đường  $4\text{m} + 3\text{m} = 7\text{m}$ .

- Tuyến đường N-8 (mặt cắt 3-3): Chiều rộng mặt đường  $7,5\text{m}$ ; Hè đường  $3\text{m} + 0\text{m} = 3\text{m}$ .

- Tuyến đường D-7 (đoạn mặt cắt 4-4; mặt cắt 5-5): Chiều rộng mặt đường  $5,5\text{m}$ ; Hè đường  $3\text{m} + 0\text{m} = 3\text{m}$ .

- Tuyến đường D-7 (đoạn mặt cắt 6-6): Chiều rộng mặt đường  $5,5\text{m}$ ; Hè đường  $3\text{m} + 4\text{m} = 7\text{m}$ .

- Tuyến Đường N-3C (mặt cắt 7-7), D-8 (mặt cắt 8-8): Chiều rộng mặt đường  $7,5\text{m}$ ; Hè đường  $4\text{m} + 0\text{m} = 4\text{m}$ .

- Tuyến Đường N-7 (mặt cắt 9-9): Chiều rộng mặt đường 7,5m; Hè đường  $4m + 4m = 8m$ .

- Tuyến Đường N-6 (mặt cắt 10-10 ): Chiều rộng mặt đường 9m; Hè đường  $4m + 0m = 4m$ .

Công trình phục vụ giao thông KCN Bảo Minh mở rộng:

- Bãi đỗ xe: Bố trí quỹ đất trong từng công trình, khu chức năng xây dựng bãi đỗ xe phục vụ nội bộ. Quy mô bãi đỗ xe tùy thuộc vào tính chất và quy mô công trình, đảm bảo chỉ tiêu  $200m^2$  sàn/1 chỗ đỗ.

- Giao thông xanh: Xây dựng hệ thống cây xanh bóng mát hai bên đường, kết hợp với hệ thống cây xanh cách ly xung quanh.

- Công trình ngầm: Hệ thống hạ tầng được ngầm hóa toàn bộ theo các tuyến đường giao thông, trong các hào kỹ thuật phù hợp với đặc điểm của từng tuyến đường. Hạn chế tối đa đi nổi.

Chi giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Tuân thủ theo quy mô bề rộng lộ giới đã được xác định trong quy hoạch, được xác định cụ thể theo mặt cắt ngang đường và thể hiện trong bản đồ "Quy hoạch giao thông" tỷ lệ 1/500.

#### 4.2. San nền

- Cao độ san nền khu hiện hữu là: +2,1m đến +2,30m, cao độ san nền tối thiểu theo khu mở rộng là: +2,1m đến +2,45m, đồng bộ với cốt đường KCN Bảo Minh hiện hữu.

- Hướng dốc: Khu vực được san nền với nguyên tắc nước tự chảy, hướng dốc dẫn ra kênh C9 phía bắc khu mở rộng, tương tự hướng thoát nước KCN Bảo Minh hiện hữu.

- Vật liệu san nền: Cát hoặc đất đá thải từ các mỏ khai thác đá đáp ứng chỉ tiêu kỹ thuật cho vật liệu san nền.

- Không chế cao độ nền tại các điểm giao nhau của các tuyến đường, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và lập dự án xây dựng trong từng ô đất trong các giai đoạn tiếp theo.

#### 4.3. Thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa nước mưa và nước thải.

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng bằng hệ thống rãnh xây gạch đầy đan bê tông cốt thép, có bề rộng B600mm÷B1000m, thoát nước qua đường dùng công hộp bê tông cốt thép chịu lực B800mm, B2000mm.

- Hướng thoát nước được thu vào hệ thống thoát nước đặt dọc theo mạng lưới giao thông và được thu dẫn vào hệ thống kênh C9 phía Bắc khu quy hoạch.

- Mạng lưới đường ống: Rãnh thoát nước mưa tại các tuyến đường sử dụng rãnh xây gạch B600, B800, B1000; qua đường dùng công B800 ÷ B2000 mm.

#### 4.4. Cấp nước

Nhu cầu dùng nước trong khu quy hoạch bao gồm: Nước dùng cho khu sản xuất công nghiệp và nước dùng cho dịch vụ.

- Tổng nhu cầu cấp nước toàn khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng là: 4.200 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Nguồn nước: được đầu nối với nguồn cấp nước của Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu. Nhà máy cấp nước của khu công nghiệp Bảo Minh hiện đang có công suất 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm và sẽ mở rộng, nâng công suất lên 40.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Mạng lưới đường ống: Từ điểm đầu nối nguồn nước từ mạng đường ống cuối giữa ranh giới Khu công nghiệp Bảo Minh hiện hữu và KCN Bảo Minh mở rộng cấp cho toàn bộ khu vực nghiên cứu thông qua các tuyến ống D160÷D100.

#### 4.5. Cấp điện

- Nhu cầu cấp điện cho khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng khoảng 11MVA.

- Nguồn điện cung cấp cho KCN Bảo Minh mở rộng từ trạm 110kV - E3.1 (Trình Xuyên - Vụ Bản) và từ trạm 110kV - V E3.15 (Ý Yên).

- Nguồn điện cấp dự kiến lấy từ đường dây trung thế 35kV nằm ở phía Đông Bắc của dự án, dự kiến nối tiếp với nguồn hiện có của KCN Bảo Minh, đáp ứng cho việc cấp điện cho công trình.

#### 4.6. Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn

##### a) Thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng với hệ thống thoát nước mưa.

- Toàn bộ nước thải của Khu công nghiệp được thu gom về Trạm xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước thải từ các nhà máy trong Khu công nghiệp, nước thải sinh hoạt trong khu DVCN được thu gom theo các tuyến ống chính, tập trung về trạm xử lý nước thải chung của khu công nghiệp.

- Thiết kế các đường ống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc đảm bảo thu gom từ các nhà máy thoát ra không ảnh hưởng tới môi trường. Các tuyến ống dùng ống HDPE và ống thép không gỉ có đường kính D200÷D350. Toàn bộ hệ thống thu gom nước thải trong Khu công nghiệp là hệ thống đường ống kín và dùng bơm để bơm nước thải từ các nhà máy, khu DVCN về hệ thống xử lý tập trung của Khu công nghiệp.

- Hệ thống đường ống dẫn nước thải được bố trí đi nổi ở trên vỉa hè tại các vị trí đầu nối giao thông vào các lô đất, sẽ hạ cao độ đi ngầm vào hệ thống hào kỹ thuật để đảm bảo an toàn.

- Lưu lượng khu xử lý nước thải lấy bằng 80% lưu lượng nước cấp, tổng công suất nước thải của toàn dự án lấy tròn  $Q_{nt}=3.000$  m<sup>3</sup>/ngày đêm.

##### b) Quản lý chất thải rắn



Chất thải rắn được phân loại ngay trong từng nhà máy, đơn vị sản xuất có phát sinh chất thải. Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp được các nhà máy, đơn vị sản xuất ký hợp đồng với các đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý để vận chuyển đến nơi phân loại, xử lý theo quy định.

Chất thải rắn sinh hoạt, dịch vụ cũng được thu gom, phân loại trong từng cơ sở phát sinh chất thải và được vận chuyển hàng ngày đến đến nơi xử lý chất thải rắn của tỉnh.

## 5. Đánh giá môi trường chiến lược

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn với nước mưa. Nước thải công nghiệp và dịch vụ sẽ xả ra công thoát chung của Khu công nghiệp. Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng các bể phốt 3 ngăn ở từng công trình kiến trúc. Sau đó sẽ được xử lý triệt để tại các trạm xử lý nước thải tập trung của từng khu vực trước khi xả ra sông, biển.

- Xây dựng hệ thống cây xanh, trồng các dải cây xanh, thảm cỏ dọc theo tuyến đường giao thông. Bố trí trồng cây xanh tập trung để tạo môi trường cảnh quan.

- Bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp (Sử dụng xe máy thi công có lượng thải khí, bụi và độ ồn thấp hơn giới hạn cho phép; Có biện pháp che chắn các xe chuyên chở vật liệu để hạn chế sự lan toả của bụi; Làm ẩm bề mặt của lớp đất san ủi bằng cách phun nước giảm lượng bụi bị cuốn theo gió; Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân,...).

- Chất thải rắn của Khu công nghiệp sẽ do Công ty môi trường đô thị thu gom và vận chuyển đến bãi chứa phế thải của khu vực để xử lý theo quy định chung.

## 6. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý Điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Bảo Minh mở rộng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định" kèm theo đồ án này.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh: Chịu trách nhiệm đảm bảo tính chính xác thông tin, số liệu báo cáo; triển khai dự án phù hợp với quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. UBND huyện Vụ Bản: Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp, Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh công bố công khai quy hoạch chi tiết được duyệt theo quy định.

3. Ban Quản lý các khu công nghiệp: Chịu trách nhiệm quản lý quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Sở Xây dựng và các ngành chức năng liên quan theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp; Chủ tịch UBND huyện Vụ Bản; Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: Vp1, Vp5.

*Blue*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**